

BÁO CÁO
Kết quả chuyển đổi số huyện Vinh Lộc 6 tháng đầu năm 2023

Kính gửi:

- Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hóa;
- Sở Xây dựng Thanh Hóa.

Thực hiện Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; Công văn số 1356/STTTT-CNTT ngày 2/6/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023; Công văn số 3567/SXD-VP ngày 05/6/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Thanh Hóa báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023.

Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Vinh Lộc báo cáo kết quả chuyển đổi số 6 tháng đầu năm 2023, với nội dung như sau:

I. KẾT QUẢ NỔI BẬT

1. Triển khai Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 10/11/2021 của Ban thường vụ Tỉnh ủy; Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 10/01/2022 của UBND tỉnh và các kế hoạch liên quan về chuyển đổi số

UBND huyện đã ban hành Quyết định số 236/QĐ-UBND ngày 19/01/2023 Phê duyệt kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2022; Ban hành các văn bản: Công văn số 382/UBND-VHTT ngày 20/02/2023 về viết bài giới thiệu điển hình thực hiện chuyển đổi số; Công văn số 473/UBND-VHTT ngày 28/2/2023 về kết quả tham gia khóa bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân; Công văn số 1151/UBND-VHTT ngày 27/4/2023 về triển khai Chương trình phối hợp tổ chức hoạt động thúc đẩy Chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2026 giữa ngành TT&TT và Tỉnh đoàn Thanh Hóa; Kế hoạch số 102/KH-UBND ngày 10/4/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Vinh Lộc đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030.

2. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức

- Số hội nghị, hội thảo, tập huấn về chuyển đổi số: 4.
- Số tin, bài về chuyển đổi số đăng trên trang thông tin điện tử của đơn vị: 14.
- Số tin, bài tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cấp huyện, cấp xã (dành cho UBND cấp huyện): 65.

3. Kết quả ứng dụng CNTT, chuyển đổi số

3.1. Hạ tầng kỹ thuật

Hạ tầng viễn thông được các nhà cung cấp dịch vụ phổ cập đến tất cả các thôn, khu dân cư trên địa bàn huyện. Đảm bảo Internet được kết nối mọi lúc, mọi nơi.

Hạ tầng CNTT, Internet đảm bảo đến từng cán bộ, công chức từ cấp huyện đến cấp xã.

Cơ bản được đảm bảo, đường truyền mạng cáp quang tốc độ cao, hệ thống Wifi phủ khắp cơ quan, máy tính để bàn, laptop đảm bảo nhu cầu làm việc, hệ thống an toàn an ninh thông tin của UBND huyện được đảm bảo.

UBND huyện đã áp dụng hiệu quả các phần mềm phục vụ công tác quản lý và điều hành như: Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDOffice); phần mềm theo dõi nhiệm vụ, phần mềm một cửa điện tử, 100% các đơn vị đã thực hiện trao đổi, tạo lập, xử lý, ký số văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận trên hệ thống thông tin một cửa điện tử...

3.2. Ứng dụng phục vụ chỉ đạo điều hành

UBND huyện đã ban hành các văn bản và ứng dụng CNTT như: Thành lập BCĐ chuyển đổi số, chính quyền điện tử; thành lập tổ giúp việc BCĐ; Ban hành Quy chế hoạt động Trang Thông tin điện tử, Kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm và nhiều văn bản chỉ đạo việc ứng dụng CNTT như: Phần mềm Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (TDoffice); Sử dụng địa chỉ thư điện tử công vụ; Ứng dụng chữ ký số cơ quan, cá nhân của lãnh đạo, công chức, viên chức; Triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến, ...

3.3. Ứng dụng phục vụ người dân:

Trang thông tin điện tử của UBND huyện tại địa chỉ <https://vinhloc.thanhhoa.gov.vn> cung cấp thông tin phục vụ người dân, doanh nghiệp. Một số văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND huyện được cập nhật trên trang thông tin điện tử; bảo đảm hệ thống chỉ đạo, điều hành và trao đổi thông tin thông suốt từ huyện đến các cơ quan, đơn

vi, các xã, thị trấn. Hệ thống văn bản điện tử đã được triển khai đồng bộ đến 100% các phòng chuyên môn và đơn vị trực thuộc. Tỷ lệ văn bản được gửi qua mạng giữa UBND huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đạt 100% (trừ những văn bản mật hoặc tuyệt mật) và 100% văn bản nội bộ của các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc UBND huyện được thực hiện dưới dạng điện tử. Hệ thống thư điện tử công vụ được triển khai đồng bộ tại tất cả các phòng chuyên môn đơn vị thuộc UBND huyện. Tỷ lệ cán bộ, công chức của UBND huyện được cấp hộp thư điện tử công vụ đạt 100%; tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong công việc ước đạt trên 80%.

3.4. Ứng dụng phục vụ kinh tế số

Phối hợp với VNPT Thanh Hóa đưa các sản phẩm OCOP của huyện lên sàn giao dịch điện tử: Chè Lam Phủ Quảng - cơ sở sản xuất Lâm Thu, Rượu Sâm Báo An Tâm, Sản phẩm Sâm Báo Thảo Nga...

VNPT Vĩnh Lộc đã hỗ trợ cung cấp tem truy xuất nguồn gốc cho sản phẩm OCOP trên địa bàn huyện.

3.5. Ứng dụng phục vụ xã hội số

Các đơn vị, ngành như: Ngân hàng, Kho bạc huyện, Chi cục Thuế Vĩnh Lộc-Thạch Thành, Bru điện huyện, các doanh nghiệp Viễn thông, Bảo hiểm, Bệnh viện, Điện lực... triển khai biên lai điện tử cho UBND xã, thị trấn, các trường học, trạm y tế, các doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh thay cho việc sử dụng biên lai giấy đáp ứng theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện. Hướng dẫn và cài đặt sử dụng ví điện tử VNPT PAY cho nhân dân trong huyện.

Hạ tầng băng rộng cáp quang của huyện được kết nối Internet đã được phủ đến 100% các phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Mạng truyền số liệu chuyên dùng các cơ quan Đảng, Nhà nước được triển khai kết nối, sử dụng tại các phòng, ban, ngành và UBND các xã, thị trấn.

Kết quả hoàn thành hồ sơ nội dung, chỉ tiêu chuyển đổi số năm 2022 gồm 3 đơn vị Minh Tân, Vĩnh Hùng và Vĩnh Thịnh. Đang chờ cấp có thẩm quyền phê duyệt kết quả chuyển đổi số.

4. Nguồn lực dành cho các hoạt động CNTT; chuyển đổi số

4.1. Nguồn nhân lực

Cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn huyện tham gia hoạt động chuyển đổi số.

4.2 Kinh phí thực hiện: Thực hiện theo quy định hiện hành.

5. Kết quả chuyển đổi số huyện, xã: (theo phụ lục 1,2 gửi kèm)

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

Luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Huyện ủy, HĐND huyện trong quá trình tổ chức thực hiện việc chuyển đổi số. Quán triệt và triển khai nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Công an, UBND tỉnh để tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ của chuyển đổi số trên địa bàn huyện đảm bảo tiến độ đề ra. Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh giúp người dân tiếp cận được nhiều thông tin về dịch vụ công trực tuyến, số hồ sơ được đăng ký, tiếp nhận và giải quyết qua dịch vụ công đã tăng lên. Ứng dụng phần mềm TDOffice và kết nối thành công với mạng tin học diện rộng của UBND tỉnh. Đã có 100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản phần mềm Tdoffice, đồng thời đăng ký với Ban Cơ yếu Chính phủ để cấp chứng thư số cho lãnh đạo, cán bộ, công chức cơ quan và tiến hành cài đặt, triển khai ứng dụng chữ ký số chuyên dùng trên Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc. Rà soát cập mới hộp thư điện tử để trao đổi hồ sơ công việc đạt tỉ lệ trên 100%. Triển khai áp dụng các phần mềm chuyên ngành để sử dụng trong công việc chuyên môn. Đầu tư, bổ sung, thay thế, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật (máy chủ, máy trạm, mạng máy tính, hệ thống mạng LAN, hệ thống bảo mật, an ninh mạng, phần mềm bản quyền...) bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan. Các cấp ủy Đảng, chính quyền huyện đã tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển chính quyền điện tử hướng tới xây dựng chính quyền số, tỷ lệ hợp trực tuyến ngày càng mở rộng. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trên địa bàn huyện từng bước ứng dụng công nghệ số đổi mới phương thức sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, giảm chi phí, mở rộng thị trường; nhiều phương thức kinh doanh, dịch vụ, ngành nghề mới xuất hiện góp phần tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống của nhân dân. Hạ tầng viễn thông được phủ sóng rộng trên địa bàn huyện.

2. Khó khăn

Sự tham gia của doanh nghiệp, người dân trong phát triển công nghệ thông tin và thực hiện chuyển đổi số chưa được mạnh mẽ.

Tại UBND các xã, thị trấn được giao phụ trách: Tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh đạt khoảng 52%; trong đó tỷ lệ người dân sử dụng điện thoại thông minh có tài khoản ngân hàng để liên kết với ví điện tử còn thấp gây khó khăn cho quá trình tham gia thanh toán không dùng tiền mặt, thanh toán các dịch vụ cơ bản (điện, nước, ...), các giao dịch trên sàn thương mại điện tử.

Kỹ năng ứng dụng công nghệ số của cán bộ công chức cấp xã còn chưa đồng đều, chưa có cán bộ chuyên trách về CNTT tại xã (chủ yếu làm việc kiêm nhiệm).

Nhận thức của đại bộ phận người dân về chuyển đổi số còn hạn chế, chưa nhận thức đầy đủ về những lợi ích của chuyển đổi, của việc sử dụng các công cụ CNTT phục vụ cho công việc, thay đổi cách thức làm việc, cách thức mua sắm, bán hàng.

Hạ tầng CNTT hiện nay của đơn vị được trang bị từ lâu cũ, lạc hậu nên việc nâng cấp sửa chữa để hoạt động không được hiệu quả, đồng bộ; nên gặp nhiều khó khăn trong quá trình vận hành sử dụng.

III. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2023

1. Thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch của Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh và các ngành cấp tỉnh.

2. Tăng cường công tác tuyên truyền đảm bảo các ban, ngành, đoàn thể, đơn vị và nhân dân trên địa bàn huyện nắm, hiểu và thực hiện đúng các nội dung của chuyển đổi số.

3. Thực hiện chỉ tiêu chuyển đổi số mà UBND tỉnh giao cho huyện Vĩnh Lộc năm 2023 (theo Quyết định số 969/QĐ-UBND, ngày 18/3/2022) gồm 4 đơn vị: Vĩnh Thịnh, Thị trấn Vĩnh Lộc, xã Ninh Khang, xã Vĩnh Tiến.

4. Tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát của các thành viên Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện đối với các đơn vị được phân công phụ trách.

5. Tiếp tục thực hiện tốt công tác chỉ đạo, phối hợp với các đơn vị trong tổ chức thực hiện tốt chuyển đổi số.

6. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nội dung Công văn số 2615/UBND-VHTT, ngày 20/9/2022 về tiếp tục triển khai hệ thống phòng họp trực tuyến, phòng họp không giấy tờ trên địa bàn huyện Vĩnh Lộc.

7. Trang bị thêm, nâng cấp các trang thiết bị thiết yếu như máy tính, máy in, máy scan tài liệu cho huyện và các xã, thị trấn để đảm bảo việc tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ trên cổng dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

8. Đẩy mạnh việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với các dịch vụ công thiết yếu trên địa bàn huyện.

9. Thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số của các xã, thị trấn.

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh tiếp tục hỗ trợ trang thiết bị, máy móc (máy scan, máy tính, máy tính bảng...) cho các huyện, các xã phục vụ hoạt động chuyển đổi số.

Đề nghị Tiếp tục mở các lớp tập huấn về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp huyện, cấp xã.

Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu UBND tỉnh phân bổ kinh phí phục vụ hoạt động chuyển đổi số cho cấp huyện, cấp xã hàng năm.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện chuyển đổi số huyện Vĩnh Lộc 6 tháng đầu năm 2023; Ban chỉ đạo chuyển đổi số huyện Vĩnh Lộc báo cáo Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng Thanh Hóa./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh (để B/c);
- Đ.c Phan Lê Quang-GĐ sở Xây dựng (để B/c);
- Thường trực Huyện ủy (để B/c);
- Thường trực HĐND huyện (để B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Thành viên BCĐ CDS huyện;
- Thành viên Tổ giúp việc BCĐ CDS huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, VHTT.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND HUYỆN
Trịnh Xuân Thắng**

Phụ lục: Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp huyện, cấp xã
(theo Quyết định số 969/QĐ-UBND ngày 18/3/2022 của UBND tỉnh và hướng dẫn tại công văn số 891/STTTT-CNTT ngày 03/5/2022 và công văn số 2115/STTTT-CNTT ngày 05/10/2022 của Sở TTTT)

I. Kết quả chuyển đổi số cấp huyện

Theo các chỉ tiêu, mục tiêu tại công văn số 891/STTTT-CNTT ngày 03/5/2022 của Sở Thông tin và truyền thông, cụ thể như sau:

- a) Yêu cầu chung:** gồm 01 chỉ tiêu
- b) Chính quyền số:** gồm 07 chỉ tiêu
- c) Kinh tế số:** gồm 03 chỉ tiêu
- d) Xã hội số:** gồm 03 chỉ tiêu

(Cụ thể theo phụ lục 1 gửi kèm theo)

II. Kết quả thực hiện chuyển đổi số cấp xã, phường, thị trấn

Theo các chỉ tiêu, mục tiêu tại Quyết định số 1829/QĐ-UBND, ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, cụ thể như sau:

- a) Chính quyền số:** gồm 11 chỉ tiêu
- b) Kinh tế số:** gồm 06 chỉ tiêu
- c) Xã hội số:** gồm 12 chỉ tiêu
- d) Hạ tầng nền tảng số:** gồm 08 chỉ tiêu

(Cụ thể theo phụ lục 2 gửi kèm theo)

Phụ lục
Danh sách văn bản ban hành 6 tháng đầu năm 2023

- Quyết định số 236/QĐ-UBND, ngày 19/01/2023 của UBND huyện về phê duyệt kết quả xếp hạng mức độ chuyển đổi số trên địa bàn huyện năm 2022.
- Công văn số 382/UBND-VHTT, ngày 20/02/2023 của UBND huyện về viết bài giới thiệu điển hình thực hiện chuyển đổi số.
- Công văn số 473/UBND-VHTT, ngày 28/2/2023 của UBND huyện về kết quả tham gia khóa bồi dưỡng phổ cập kỹ năng số cộng đồng đến thành viên của Tổ công nghệ số cộng đồng và người dân.
- Công văn số 1151/UBND-VHTT, ngày 27/4/2023 về triển khai Chương trình phối hợp tổ chức hoạt động thúc đẩy Chuyển đổi số tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2023-2026 giữa ngành TT&TT và Tỉnh đoàn Thanh Hóa.
- Kế hoạch số 102/KH-UBND, ngày 10/4/2023 về phát triển doanh nghiệp công nghệ số huyện Vĩnh Lộc đến năm 2025 và giai đoạn 2026-2030.

Phụ lục 1:
Kết quả chuyển đổi số cấp huyện theo Công văn số 891/STTTT-CNTT ngày 03/5/2022

TT	Nội dung	Chỉ tiêu giao	Kết quả đạt được	Khó khăn; đề xuất
1	Yêu cầu chung			
1.1	Tỷ lệ số xã, phường, thị trấn hoàn thành chuyển đổi số	100%	0%	
2	Chính quyền số			
2.1	Triển khai hệ thống thông tin CSDL tổng hợp cấp huyện, cấp xã	Có	Có	
2.2	Tỷ lệ các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được kết nối, chia sẻ, khai thác với các cơ sở dữ liệu của Tỉnh và Quốc gia	100%	Đạt	
2.3	Tỷ lệ các cuộc kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường mạng và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	50%	Chưa đạt	
2.4	Tỷ lệ dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 4	100%	100%	
2.5	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp trở lên hài lòng với giải quyết thủ tục hành chính	90%	100%	
2.6	Tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất.	100%	100%	

TT	Nội dung	Chỉ tiêu giao	Kết quả đạt được	Khó khăn; đề xuất
2.7	Có Trung tâm điều hành thông minh phù hợp với cấp huyện. (<i>phụ thuộc vào điều kiện KT-XH của các đơn vị để đầu tư</i>)	(<i>phụ thuộc vào điều kiện KT-XH của các đơn vị để đầu tư</i>)	Đang triển khai	
3	Kinh tế số			
3.1	Tỷ lệ doanh nghiệp chuyển đổi số	50%	Chưa đạt	
3.2	Tỷ lệ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, làng nghề, hộ kinh doanh được tiếp cận chương trình hỗ trợ chuyển đổi số	100%	100%	
3.3	Các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, các sản phẩm OCOP đưa lên sàn thương mại điện tử và được gắn mã QR truy xuất nguồn gốc	Sản phẩm	13	
4	Xã hội số			
4.1	Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang; phổ cập dịch vụ di động 4G/5G		Phổ cập	
4.2	Tỷ lệ dân số từ 18 tuổi trở lên có tài khoản thanh toán điện tử	80%	Chưa đạt	
4.3	Thúc đẩy chuyển đổi số trong các lĩnh vực trên địa bàn		Đang thực hiện	

Phụ lục 2:

Kết quả chuyển đổi số tại đơn vị cấp xã theo Quyết định số 1829/QĐ-UBND, ngày 30/5/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc ban hành các tiêu chí chuyển đổi số cấp xã đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể năm 2023	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
1	Chính quyền số				
1.1	Xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện các chỉ tiêu về chuyển đổi số theo giai đoạn và hàng năm.	Văn bản	100%	Đạt	
1.2	Lãnh đạo, cán bộ, công chức trên địa bàn cấp xã chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hoàn toàn trên môi trường điện tử	%	100%	Chưa đạt	
1.3	Các văn bản, hồ sơ công việc được tạo lập, xử lý, ký số trên môi trường điện tử (trừ văn bản mật theo quy định).	%	100%	Đạt	
1.4	Cán bộ, công chức xã có hộp thư điện tử công vụ của các cơ quan Nhà nước cấp	%	100%	Đạt	
1.5	Hồ sơ TTHC tại UBND cấp xã tiếp nhận, cập nhật, xử lý trên Hệ thống thông tin một cửa điện tử.	%	100%	Đạt	
1.6	Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận, giải quyết trực tuyến.	%	70%	Có	
1.7	Ứng dụng nền tảng số hỗ trợ chính quyền cấp	Kênh giao	Có	Có	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể năm 2023	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
	xã giao tiếp, tương tác và tiếp nhận các ý kiến, phản ánh, kiến nghị của người dân (Kênh zalo, Trang Thông tin điện tử, ...)	tiếp			
1.8	Khai thác, sử dụng các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, phần mềm, nền tảng ứng dụng dùng chung từ Trung ương đến địa phương đảm bảo thông suốt, hiệu quả.	Hệ thống	Triển khai sử dụng	Triển khai	
1.9	Trang thông tin điện tử hoạt động tuân theo quy định Nghị định số 42/2022/NĐ-CP quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng	Có trang	Cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định	Chưa cung cấp đầy đủ thông tin	
1.10	Tuyên truyền, đào tạo, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho đội ngũ cán bộ công chức, người lao động của cơ quan.	%	100%	100%	
1.11	Triển khai các nền tảng công nghệ, ứng dụng phòng, chống dịch theo các hướng dẫn của Bộ Y tế và Bộ Thông tin và Truyền thông.	Nền tảng	*1	*1	
2	Kinh tế số				
2.1	Tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân về chuyển đổi số, phát triển kinh tế, mua bán, phân	%	100%	100%	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể năm 2023	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
	phối hàng hóa dựa trên môi trường mạng.				
2.2	Các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế của xã, sản phẩm OCOP được quảng bá, giới thiệu trên mạng internet (trang thông tin điện tử, mạng xã hội,...)	%	100%	100%	
2.3	Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, sản xuất và người dân có sản phẩm OCOP, sản phẩm có lợi thế được đưa sàn thương mại điện tử postmart.vn, voso.vn và các sàn thương mại điện tử khác.	%	100%	Đạt	
2.4	Tỷ lệ doanh nghiệp, tổ chức sử dụng phương tiện thanh toán không dùng tiền mặt qua các kênh thanh toán điện tử	%	60%	Chưa đạt	
2.5	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử	%	50%	Chưa đạt	
2.6	Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số	%	50%	Chưa đạt	
3	Xã hội số				
3.1.	Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được thông tin, tuyên truyền, đào tạo kỹ năng số cơ bản	%	60%	60%	
3.2	Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được	%	60%	Đạt	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể năm 2023	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
	phép khác				
3.3	Tỷ lệ thuê bao điện thoại di động thông minh có sử dụng phần mềm an toàn thông tin mạng cơ bản	%	*	*	
3.4	Tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại thông minh	%	65%	Đạt	
3.5	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử, được cập nhật, bổ sung thông tin thường xuyên	%	95%	Chưa đạt	
3.6	Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa .	%	10%	Đạt	
3.7	Các trường tiểu học đến trung học cơ sở hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở.	%	100%	100%	
3.8	Tỷ lệ cơ sở giáo dục và đào tạo chấp nhận thanh toán học phí bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt	%	50%	50%	
3.9	Số lượng người dân có tài khoản định danh điện tử	%	50%	50%	
3.10	Tỷ lệ dân số ở độ tuổi trưởng thành có chữ ký	%	30%	Chưa đạt	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể năm 2023	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
	số hoặc chữ ký điện tử cá nhân				
3.11	Tỷ lệ dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến	%	20%	Đạt	
3.12	Tỷ lệ hộ gia đình thanh toán tiền điện bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.	%	60%	Đạt	
4	Hạ tầng số				
4.1	Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang, mạng thông tin di động 4G/5G sẵn sàng cung cấp dịch vụ đến các hộ gia đình.	%	100%	Đạt	
4.2	Hạ tầng và trang thiết bị CNTT tại UBND xã đáp ứng phương án đảm bảo an toàn thông tin theo cấp độ đã được phê duyệt	Hệ thống	Đáp ứng	Đáp ứng	
4.3	100% CBCC có máy tính phục vụ công việc	%	100%	Đạt	
4.4	Có hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được kết nối thông suốt từ cấp xã đến cấp huyện, tỉnh và Trung ương (Khuyến khích đến cấp thôn).	Hệ thống	Có	Có	
4.5	Có điểm phát wifi công cộng tại các địa điểm quan trọng trong xã tùy thuộc điều kiện (như tại UBND xã, nhà văn hoá, các điểm du lịch,...).	Điểm phát	Có	Có	

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu cụ thể năm 2023	Kết quả đạt được	Khó khăn, vướng mắc
4.6	Có hệ thống Camara an ninh được kết nối đến UBND xã hoặc công an xã để quản lý và giám sát	Hệ thống	Có	Có	
4.7	Hệ thống đài truyền thanh có ứng dụng viễn thông - CNTT	Đài	Có	Chưa đạt	
4.8	Điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, viễn thông tại xã (nếu có) trở thành điểm tư vấn, hỗ trợ, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số	Điểm	*	Đạt	

